

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DSST.  
Ngày: 20/5/2021.  
“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Trúc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Tám và ông Hoàng Minh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xử án TAND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 273/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07A /2021/TB-TA ngày 29 tháng 01 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2021/TB-TA ngày 26 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 18A /2021/TB-TA ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29A /2021/TB-TA ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Trụ sở chính: 266-268 N, P. 8, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H - Trưởng phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông; có mặt.

Địa chỉ: 33 H, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P; địa chỉ: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản lấy lời khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Ngày 05/02/2018 bà Phạm Thị P và ông Nguyễn Văn H vay của Ngân hàng

TMCP S - Chi nhánh Đắk Nông số tiền 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng; theo hợp đồng tín dụng số LD1803600309 ngày 05/02/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1803600309 ngày 23/01/2019. Ngoài ra theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1236487 ngày 27/01/2018; hạn mức cấp thẻ 50.000.000 đồng, dư nợ hiện tại 61.179.824 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay bà P và ông H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM 653323 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 30/06/2008 cho ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P, tọa lạc tại xã N, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/18/TCDS được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ ngày 07/02/2018; đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký đất đai Đ ngày 08/02/2017. Theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ thì đến ngày 31/01/2020 bà P và ông H phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 195.723.903 đồng, trong đó: Tiền gốc 20.000.000 đồng, dư nợ thẻ tín dụng: 61.179.824 đồng, tiền lãi 114.544.079 đồng nhưng bà P và ông H không thanh toán. Như vậy bà P và ông H đã vi phạm cam kết được quy định tại hợp đồng tín dụng số LD1803600309 ngày 05/02/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1803600309 ngày 23/01/2019. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu bà P và ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà P và ông H không thực hiện. Tính đến tính đến ngày 20/5/2021 ông H, bà P còn nợ số tiền 1.258.809.700 đồng; trong đó nợ theo hợp đồng tín dụng số LD 1803600309 là 1.182.056.864 đồng (Nợ gốc 900.000.000 đồng; nợ lãi 282.056.864 đồng, nợ thẻ tín dụng số 9704035443 là 76.752.836 đồng (Nợ gốc 53.478.884 đồng, nợ lãi 23.273.952 đồng). Nay ngân hàng yêu cầu ông bà trả nợ đối với khoản vay trên. Ông H và bà P phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/5/2021 cho đến khi thanh toán xong là phù hợp quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Trường hợp không trả được nợ đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản vay còn nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thì ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền hiện còn nợ.

Tiếp tục tính lãi quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/5/2021 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông H và bà P không trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản vay còn nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thì ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn Hiến, bà Phạm Thị Phương nơi cư trú cuối cùng tại: Thôn 09, xã N, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông; vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết; do đó quan hệ tranh chấp được xác định là *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, qua kết quả xác minh tại Công an xã N thể hiện ông Nguyễn Văn Hiến, bà Phạm Thị Phương có đăng ký hộ khẩu thường trú và có mặt tại địa phương. Ông Nguyễn Văn Hiến, bà Phạm Thị Phương đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX xét xử vắng mặt ông H, bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các tài liệu khác có liên quan do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 05/02/2018, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đắk Nông cho ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị P vay số tiền 900.000.000 đồng; mục đích vay sản xuất nông nghiệp; lãi suất 12%/năm; thời hạn cho vay 60 tháng; phương thức trả góp. Trả nợ gốc, lãi định kỳ 12 tháng một lần trong 05 kỳ, ngày 31/01/2020 trả 20.000.000 đồng và lãi phát sinh; ngày 31/01/2021 trả 50.000.000 đồng và lãi phát sinh, ngày 31/01/2022 trả 100.000.000 đồng và lãi phát sinh, ngày 31/01/2023 trả 150.000.000 đồng và lãi phát sinh, ngày 31/01/2024 trả 580.000.000 đồng và lãi phát sinh. Xét hợp đồng tín dụng có chữ ký của ông H, bà P là sự thỏa thuận của các bên, nội dung, hình thức, mục đích của hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy việc ông H, bà P ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S là hợp pháp.

Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm kiêm hợp đồng số 1236487 ngày 27/3/2019 ông Hiền được cấp thẻ tín dụng số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn sử dụng 03 năm, lãi suất 19.2%/năm, trả nợ lãi hàng tháng, tuy nhiên ông H không trả nợ lãi nên ngày 22/9/2019 khoản vay này bị chuyển sang nợ quá hạn. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm kiêm hợp đồng số 1236487 ngày 27/3/2019 có chữ ký của ông H là sự thỏa thuận của các bên, nội dung, hình thức, mục đích của hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy việc ông H ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm kiêm hợp đồng số 1236487 ngày 27/3/2019 với Ngân hàng TMCP S là hợp pháp. Mặc dù bà P không ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm kiêm hợp đồng số 1236487 ngày 27/3/2019 nhưng ông H vay trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên cần xác định là nợ chung và buộc bà P liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về thời hạn trả nợ: Đây là hợp đồng tín dụng trả góp, thời hạn vay tối đa không quá 60 tháng, quá trình thực hiện hợp đồng ông H và bà P không trả nợ gốc, lãi khi đến kỳ trả nợ đầu tiên. Do đó, ngày 10/01/2020 ngân hàng chuyển số tiền vay 900.000.000 đồng và ngày 22/9/2019 chuyển khoản nợ vay 50.000.000 đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 20/5/2021 ông H, bà P còn nợ số tiền 1.258.809.700 đồng; trong đó nợ theo hợp đồng tín dụng số LD 1803600309 là 1.182.056.864 đồng (Nợ gốc 900.000.000 đồng; nợ lãi 282.056.864 đồng, nợ thẻ tín dụng số 9704035443 là 76.752.836 đồng (Nợ gốc 53.478.884 đồng, nợ lãi 23.273.952 đồng). Do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc ông H và bà P trả số tiền còn nợ. Ông H và bà P phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/5/2021 cho đến khi thanh toán xong là phù hợp quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do nguyên đơn cung cấp: Bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM 653323 do UBND huyện Đ cấp ngày 30/6/2008 đã được công chứng, kết quả xem xét thẩm định tài sản thể hiện tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của ông H, bà P, thực tế sử dụng đất phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp. Do đó hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại các Điều 102, 212, 502 của Bộ luật dân sự; Điều 167 của Luật đất đai. Vì vậy ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án huyện Đ xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thì ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Chi phí xem xét thẩm định tài sản là 3.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 102, Điều 212, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 512 của Bộ luật dân sự; Điều 167 của Luật đất đai; Điều 27, Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 20/5/2021) là 1.258.809.700 đồng; trong đó nợ theo hợp đồng tín dụng số LD 1803600309 là 1.182.056.864 đồng (Nợ gốc 900.000.000 đồng; nợ lãi 282.056.864 đồng, nợ thẻ tín dụng số 9704035443 là 76.752.836 đồng (Nợ gốc 53.478.884 đồng, nợ lãi 23.273.952 đồng).

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD 1803600309 ngày 05/02/2018 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm kèm hợp đồng số 1236487 ngày 27/3/2019 kể từ ngày 21/5/2021 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P không trả nợ thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án huyện Đắk Song xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/2018/TCDS ngày 07/02/2018 giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đắk Nông với ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thì ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên bị đơn phải trả cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị P phải chịu 49.764.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 22.696.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001763 ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi*

*hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- CCTHDS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Trúc Linh**